

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/DS-ST

Ngày: 29 – 9 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Chiếu**
2. Ông **Trần Văn Phước**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Trần Chí Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Duy Thị B**, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Trịnh Thanh N**, sinh năm 1974 – Là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Số A khóm B, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Khắc G**, sinh năm 1960 và bà **Nguyễn Hồng P**, sinh năm 1964; Cùng địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông **Đỗ Văn M**, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Bà **Duy Thị B**, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Văn bản ủy quyền ngày 18/12/2019) (Có mặt)*

3.2. Chị **Nguyễn Dân Ph**, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2019, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Duy Thị B trình bày:*

Vào ngày 21/3/2017, bà có cho vợ chồng ông G và bà P vay số tiền 50.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, khi nhận tiền thì bà P có tự viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 21/3/2017 và ký tên vào biên nhận đưa cho bà giữ. Sau đó khoảng 05 - 06 tháng, thì bà tiếp tục cho vợ chồng ông G và bà P vay thêm số tiền là 150.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bà trực tiếp cầm tiền đưa cho bà P nhận, có mặt ông G chứng kiến. Lần vay tiền này hai bên không có làm biên nhận, chỉ nói miệng. Nhưng sau đó vợ chồng ông G đã thừa nhận nợ của bà tại giấy vay mượn tiền ngày 28/01/2019 âm lịch.

Ngoài ra, chị Nguyễn Dân Ph (là con dâu của ông G và bà P) có nợ tiền bà cụ thể: vào ngày 02/01/2018 âm lịch chị Ph có mượn bà số tiền 40.000.000đ; ngày 01/10/2018 âm lịch mượn 30.000.000đ; ngày 15/11/2018 âm lịch mượn 50.000.000đ. Ngoài ra, chị Ph còn nhờ bà chơi dùm 01 chung hui tháng 5.000.000đ (do bà Phan Hồng T làm chủ), mỗi tháng khai một lần, chị Ph nhờ bà hốt hui đầu được số tiền là 80.000.000đ, bà đưa tiền cho chị Ph nhận vào ngày 09/10/2018 âm lịch. Các lần mượn tiền và nhận tiền hui thì chị Ph đều tự viết giấy vay nợ và ký tên vào sổ của bà. Ngoài ra, chị Ph còn mượn bà số tiền 20.000.000đ nhưng khi mượn không có làm giấy tờ gì hết. Tổng cộng chị Ph nợ bà số tiền là 220.000.000đ. Toàn bộ khoản nợ của chị Ph thì vợ chồng ông G và bà P đã nhận sẽ trả thay chị Ph cho bà tại giấy vay mượn tiền vào ngày 28/01/2019 âm lịch. Như vậy, tổng cộng vợ chồng ông G và bà P nợ bà là 420.000.000đ. Từ khi vay tiền đến nay thì vợ chồng ông G không có đóng lãi và cũng không trả vốn. Đối tiền hui bà hốt hui dùm cho Ph thì Ph có đưa cho bà số tiền 5.000.000đ để đóng một kỳ hui. Ngoài ra không có trả cho bà khoản nào khác.

Nay bà yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Khắc G và bà Nguyễn Hồng P trả cho bà số tiền vay là 420.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác.

Bà xác định số tiền này là tài sản chung của vợ chồng bà. Ông M thống nhất theo yêu cầu của bà, không có ý kiến nay yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Nguyễn Khắc G, bà Nguyễn Hồng P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Dân Ph đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Trịnh Thanh N trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Khắc G và bà Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 420.000.000 đồng và tiền lãi trong giai đoạn chậm thi hành án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Ông G, bà P, chị Ph chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc ông G và bà P có nghĩa vụ trả cho bà B, ông M số tiền 415.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà B đối với số tiền 5.000.000đ.

Về án phí: Ông G và bà P phải chịu án phí 20.600.000 đồng. Bà B phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà B khởi kiện yêu cầu ông G và bà P trả tiền vay, ông G và bà P đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Ông G, bà P và chị Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông G, bà P và chị Ph là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Bà B yêu cầu ông G và bà P trả cho bà số tiền 420.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà B cung cấp bản gốc Biên nhận vay tiền ngày 21/3/2017 (bút lục 140) vay số tiền 50.000.000 đồng có chữ ký của bà P và giấy vay mượn tiền ngày 28/01/2019 (bút lục 105) gồm tiền mượn của ông G và bà P là 150.000.000 đồng, nhận thay nợ mượn và nợ hui của chị Nguyễn Dân Ph (con dâu của ông G và bà P) số tiền 220.000.000 đồng, tổng cộng là 370.000.000 đồng, hứa cuối năm 2019 trả 200.000.000 đồng và còn lại năm 2020 trả hai lần, có chữ ký của ông G và bà P. Ông G và bà P đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà B nhưng ông G và bà P không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà B. Tại Kết luận giám định số 68/GĐ-2020 ngày 03/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu (bút lục số 144-145) kết luận: “1. Chữ ký mang tên “Nguyễn Hồng P” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký của Nguyễn Hồng P trên các tài

liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký ra; 2. Chữ viết tên “Nguyễn Hồng P” dưới mục “Người làm biên nhận” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và tại dòng 25 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết tên “Nguyễn Hồng P” dưới mục “TM.BAN CHẤP HÀNH” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một người viết ra; 3. Chữ ký mang tên “Nguyễn Khắc G” dưới mục “người mượn nợ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký của Nguyễn Khắc G trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 do cùng một người ký ra.” Căn cứ vào kết luận giám định bà P có ký tên vào biên nhận vay tiền ngày 21/3/2017 và giấy vay mượn tiền ngày 28/01/2019, ông G có ký tên vào vay mượn tiền ngày 28/01/2019. Như vậy, việc ông G và bà P vay tiền của bà B và nhận nợ thay cho chị Ph là thực tế có xảy ra. Ông G và bà P vay của bà B tổng số tiền 200.000.000 đồng nên ông G và bà P có trách nhiệm trả cho bà B là phù hợp theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Đối với khoản nợ của chị Nguyễn Dân Ph: Xét thấy chị Ph là người mượn tiền của bà B thì chị Ph phải có nghĩa vụ trả cho bà B, tuy nhiên như đã phân tích trên thì căn cứ giấy vay mượn tiền ngày 28/01/2019, ông G và bà P đã nhận trả nợ thay khoản nợ của chị Ph cho bà B số tiền 220.000.000 đồng và bà B đồng ý. Điều này cũng phù hợp theo Điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho bên thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý,...*”. Như vậy, nghĩa vụ trả nợ cho bà B của chị Ph đã được chuyển giao cho ông G và bà P nên ông G và bà P có nghĩa vụ trả nợ cho bà B thay cho chị Ph. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2020, bà B xác định đối với số tiền 80.000.000 đồng chị Ph có đưa cho bà B nhận số tiền 5.000.000 đồng nên khi buộc ông G và bà P trả tiền phải đối trừ lại số tiền 5.000.000 đồng mà chị Ph đã trả cho bà B, ông G và bà P chỉ có nghĩa vụ trả nợ thay cho chị Ph số tiền còn nợ là 215.000.000 đồng.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B, bà B xác định số tiền ông G và bà P nợ là tài sản chung của vợ chồng bà B nên buộc ông G và bà P có nghĩa vụ trả cho bà B và ông M số tiền 415.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà B yêu cầu ông G và bà P trả số tiền 5.000.000 đồng. Bà B không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí giám định là 4.510.000 đồng. Ông G và bà P phải chịu chi phí giám định là 4.510.000 đồng. Bà B đã dự nộp số tiền 4.510.000 đồng nên buộc ông G và bà P có nghĩa vụ trả lại cho bà B số tiền 4.510.000 đồng.

[8] Về án phí: Ông G và bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà B là 20.600.000 đồng. Bà B phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 370, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Duy Thị B đối với ông Nguyễn Khắc G và bà Nguyễn Hồng P. Buộc ông Nguyễn Khắc G và bà Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ trả cho bà Duy Thị B và ông Đỗ Văn M số tiền 415.000.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Duy Thị B yêu cầu ông Nguyễn Khắc G và bà Nguyễn Hồng P trả số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

3. Về chi phí giám định là 4.510.000 đồng. Ông Nguyễn Khắc G và bà Nguyễn Hồng P phải chịu chi phí giám định là 4.510.000 đồng. Bà Duy Thị B đã dự nộp số tiền 4.510.000 đồng nên buộc ông Nguyễn Khắc G và bà Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ trả lại cho bà Duy Thị B số tiền 4.510.000 đồng.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Khắc G và bà Nguyễn Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.600.000 đồng. Bà Duy Thị B phải chịu án phí 300.000 đồng. Bà B đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 10.400.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004535 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được đối trừ và bà B được nhận lại số tiền 10.100.000 đồng.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly